

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁP MƯỜI
TỈNH ĐỒNG THÁP

Bản án số: 157/2024/DS-ST

Ngày: 23-8-2024

V/v tranh chấp dân sự về dịch vụ.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI, TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Quốc Thái.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Hồ Thị Thủy.
- Bà Nguyễn Thị Thanh Trang.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thống Nhất - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Thảo Nguyễn – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 231/2024/TLST-DS ngày 02 tháng 4 năm 2024. Về việc “Tranh chấp dân sự về hợp đồng dịch vụ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 308/2024/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 7 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 235/2024/QĐST-DS, ngày ngày 08 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Lương Văn T, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Ấp C, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- **Bị đơn:** Bà Đặng Thị N, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Ấp D, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

(Ông T có mặt, bà N vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn ông Lương Văn T trình bày và yêu cầu:*

Vào năm 2007, ông Lương Văn T có tham gia làm cổ đông của Trạm bơm Đốc Bình Kiều 3, do ông Phạm Văn Q làm trưởng trạm có 13 thành viên. Đến tháng 02/2011, Trạm bơm làm ăn thua lỗ nên họp các thành viên thống nhất giải thể và quá giá Trạm bơm với số tiền 400.000.000 đồng. Ông T đứng ra mua lại Trạm bơm với giá là 400.000.000 đồng, ông T trả đủ tiền cho 12 cổ đông. Vậy kể từ tháng 02/2011, ông T được quyền làm trưởng Trạm bơm Đốc Bình Kiều 3, hoạt động với tư cách là tư nhân.

Trong quá trình hoạt động, ông T là người trực tiếp bơm nước cho các hộ dân ở ấp C, ấp D, xã Đ, trong đó có bà Đặng Thị N. Từ năm 2019 đến năm 2022, Trạm bơm có bơm nước tưới tiêu cho bà Đặng Thị N, tổng cộng 10 vụ rưỡi. Diện tích 11.000m², giá bơm nước là 110.000 đồng/1.000m²/1 vụ, thành tiền là 12.700.000 đồng.

Do các hộ dân cố tình không trả tiền bơm nước cho ông T, làm cho ông T lâm vào hoàn cảnh khó khăn về kinh tế.

Nay, ông Lương Văn T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Đặng Thị N có trách nhiệm trả lại cho ông T số tiền bơm nước còn nợ 12.700.000 đồng.

Tại phiên họp, ông T xác định bà N còn nợ tiền bơm nước vụ Đ, Hè T1, Vụ 3 năm 2019; Đ, Hè Thu, Vụ 3 năm 2020; Đ, Hè Thu, Vụ 3 năm 2021; Đ, nửa Vụ 3 năm 2022. Bà N canh tác diện tích 11.000m². Ông T xác định giá bơm nước là 85.000 đồng/1.000m²/vụ, tổng cộng là 9.817.500 đồng (Chín triệu tám trăm mười bảy nghìn năm trăm đồng).

Tại phiên toà, ông T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như trình bày tại phiên họp, yêu cầu bà N trả cho ông T tiền thủy lợi phí còn nợ là 9.817.500 đồng (Chín triệu tám trăm mười bảy nghìn năm trăm đồng). Đối với hợp đồng dịch vụ với bà N thì hiện nay đã thất lạc nên không cung cấp được cho Tòa án.

** Bị đơn bà Đặng Thị N đã được triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ.*

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn đã chấp hành đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật.

Bị đơn chưa chấp hành đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật.

- Về việc nội dung vụ án: Căn cứ Điều 519 Bộ luật Dân sự 2015, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lương Văn T buộc bà Đặng Thị N trả thủy lợi phí còn nợ 10,5 vụ từ vụ Đông Xuân năm 2019 đến vụ 3 năm 2022 trên diện tích 11.000m² với số tiền 7.623.000 đồng.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lương Văn T đối với thủy lợi phí bà Đặng Thị N còn nợ 5.077.000 đồng do rút yêu cầu.

- Buộc bà Đặng Thị N chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười.

Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ông T khởi kiện yêu cầu bà N trả số tiền phí dịch vụ bơm nước còn nợ, bà N có địa chỉ cư trú tại ấp D, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Tháp nên căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp dân sự về hợp đồng dịch vụ” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười.

[1.2] Về chấp hành pháp luật: Bị đơn bà Đặng Thị N đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà N.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Theo đơn khởi kiện, ông T xác định bà N còn nợ tiền bơm nước vụ Đông Xuân, Hè Thu, Vụ 3 năm 2019; Đông Xuân, Hè Thu, Vụ 3 năm 2020; Đông Xuân, Hè Thu, Vụ 3 năm 2021; Đông Xuân, nửa Vụ 3 năm 2022. Bà N canh tác diện tích 11.000m². giá bơm nước là 110.000 đồng/1.000m²/1 vụ, thành tiền là 12.700.000 đồng.

"27" \o "tại" Tại phiên họp ngày 23/7/2024, ông T thay đổi yêu cầu khởi kiện, xác định giá bơm nước là 85.000 đồng/1.000m²/vụ, yêu cầu bà N trả tiền thủy lợi phí tổng cộng là 9.817.500 đồng (Chín triệu tám trăm mười bảy nghìn năm trăm đồng). Tại phiên tòa, ông T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà N trả số tiền thủy lợi phí còn nợ là 9.817.500 đồng (Chín triệu tám trăm mười bảy nghìn năm trăm đồng).

[2.2] Theo lời khai của người làm chứng thì bà N đã chuyển đổi canh tác sang trồng vườn từ khoảng 07 - 08 năm. Theo kết quả xác minh, thu thập chứng cứ thì Trạm bơm Đốc Bình K 6 và Trạm bơm Đốc Bình Kiều 6 mở rộng thu tiền bơm nước đối với đất vườn là 60% so với đất trồng lúa, Trạm bơm Đốc Bình Kiều 5 thu tiền bơm nước đối với đất vườn là 50% so với đất trồng lúa.

Hội đồng xét xử xét thấy việc thu phí bơm nước đối với đất vườn ở cùng khu vực xã Đ giữa các trạm bơm ở mức tương đương 60% so với đất trồng lúa nên buộc bị đơn có trách nhiệm trả cho ông T tiền thủy lợi phí ở mức 60% so với đất trồng lúa là phù hợp.

Đối với bà N đã được triệu tập họp lệ tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và các phiên tòa xét xử, nhưng vẫn vắng mặt không lý do và không có văn bản trình bày ý kiến. Căn cứ Điều 70, Điều 73, Điều 91, Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì các đương sự đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình, từ bỏ quyền chứng minh và không phản đối những tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn giao nộp cho Tòa án.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của ông T là có một phần căn cứ chấp nhận. Buộc bà N trả cho ông T tiền thủy lợi phí của 10,5 vụ với giá bằng 60% so với đất trồng lúa (110.000 đồng/1.000m²/vụ) với diện tích 11.000m², tổng cộng là 7.623.000 đồng (Bảy triệu sáu trăm hai mươi ba nghìn đồng).

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà N phải chịu 381.000 đồng (Ba trăm tám mươi một nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Lương Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Không phải hoàn trả tiền tạm ứng án phí do ông T được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, thuộc trường hợp người cao tuổi theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 70, Điều 73, Điều 91, Điều 96, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 513, Điều 515, Điều 519 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lương Văn T.

Buộc bà Đặng Thị N trả cho ông T tiền thủy lợi phí còn nợ là 7.623.000 đồng (Bảy triệu sáu trăm hai mươi ba nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, tương ứng với thời gian chưa thi hành án đến khi thi hành xong.

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông T về việc yêu cầu bà N trả số tiền 2.194.500 đồng (Hai triệu một trăm chín mươi bốn nghìn năm trăm đồng).

3. Về án phí:

Bà N phải chịu 381.000 đồng (Ba trăm tám mươi một nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Lương Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Không phải hoàn trả tiền tạm ứng án phí do ông T được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, thuộc trường hợp người cao tuổi theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

4. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND Tỉnh ĐT;
- VKSND huyện Tháp Mười;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, (Th).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Quốc Thái